

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT THANH HOÁ
Số 20 Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hoá
Bảo cáo tài chính
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
đã được kiểm toán

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VN

CÔNG TY TNHH



Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-08
Báo cáo kết quả kinh doanh	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-21

Báo cáo của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hoá (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hoá là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-UBTH ngày 06/01/1993 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá và Quyết định chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá số 3279/QĐ-UBND ngày 23/09/2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 28.0022.54.93 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009.

Ngành nghề kinh doanh

1. Kinh doanh phát hành các loại hình xổ số
 - Xổ số truyền thống
 - Xổ số biết kết quả ngay (Xổ số bóc, xổ số cào)
 - Xổ số lô tô các loại.
2. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch.
3. Kinh doanh dịch vụ vận tải.
4. Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong hoạt động xổ số.
5. Kinh doanh các ngành nghề khác theo qui định của pháp luật.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 969.475.491 VNĐ

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Quang	Giám đốc công ty
Ông Phạm Văn Tư	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH tài chính kế toán và Kiểm toán VN đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT THANH HOÁ
Số 20 Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hoá

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO BAN GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRỌNG QUANG

GIÁM ĐỐC

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 01 năm 2018

Công ty TNHH Tài chính Kế toán
và Kiểm toán VN

10 Lê Văn An, P. Đông Thọ TP-Thanh Hóa

Số: 003/2017/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Định gửi: Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/01/2018 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2017 được trình bày từ trang 5 đến trang 21 kèm theo.

Nhiệm vụ của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Nhiệm vụ của Kiểm toán viên

Nhiệm vụ của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở để đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thanh Hoá ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY TNHH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN VN (VNAIFC)



Nguyễn Minh Tường
Giám đốc

Số chứng nhận ĐKHNKT số: 0318-2013-143-1

Nguyễn Thị Tâm
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0585-2013-143-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản	Mã số	T.Minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.966.170.066	12.295.539.720
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	11.416.702.000	9.731.680.882
Tiền	111		11.416.702.000	9.731.680.882
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	-	-
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
Các khoản phải thu	130		1.036.079.278	1.365.274.398
Phải thu của khách hàng	131		843.523.673	1.149.749.480
Trả trước cho người bán	132		114.000.000	80.000.000
Phải thu nội bộ	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5	233.666.859	290.636.172
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	6	(155.111.254)	(155.111.254)
Hàng tồn kho	140		143.406.388	238.557.040
Hàng tồn kho	141	7	143.406.388	238.557.040
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		369.982.400	960.027.400
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	8	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		369.982.400	960.027.400
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.351.485.415	5.564.639.825
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213	9	-	-
Phải thu dài hạn khác	218	10	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		5.338.589.961	5.452.225.524
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.309.089.961	3.422.725.524
Nguyên giá	222		5.262.598.733	5.222.415.533
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.953.508.772)	(1.799.690.009)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.029.500.000	2.029.500.000
Nguyên giá	228		2.029.500.000	2.029.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	-	-

III	Bất động sản đầu tư	240	15	-	-
-	Nguyên giá	241		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3	Đầu tư dài hạn khác	258	16	-	-
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V	Tài sản dài hạn khác	260		12.895.454	112.414.301
	Chi phí trả trước dài hạn	261	17	12.895.454	112.414.301
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản		270		18.317.655.481	17.860.179.545

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Nguồn vốn		Ghi chú	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	6.875.762.221	6.433.745.382
1	Nợ ngắn hạn	310	6.875.762.221	6.433.745.382
1	Vay và nợ ngắn hạn	311 18	-	-
2	Phải trả cho người bán	312 19	-	412.500
3	Người mua trả tiền trước	313	54.295.000	157.770.000
4	Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314 20	1.166.653.230	1.123.682.567
5	Phải trả công nhân viên	315	743.293.675	798.527.682
6	Chi phí phải trả	316 21	431.953.850	286.915.720
	Phải trả nội bộ	317	-	-
	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319 22	728.691.605	760.345.006
	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	2.621.780.000	2.621.780.000
	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	1.129.094.861	684.311.907
	Nợ dài hạn	330	-	-
	Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
	Phải trả dài hạn nội bộ	332 23	-	-
	Phải trả dài hạn khác	333	-	-
	Vay và nợ dài hạn	334 24	-	-
	Thuế thu nhập hoãn phải trả lại	335 25	-	-
	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	11.441.893.260	11.426.434.163
	Vốn chủ sở hữu	410 26	11.441.893.260	11.426.434.163
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	10.839.851.439	11.118.005.281
	Nguồn vốn kinh doanh		10.839.851.439	10.856.967.162
	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
	Cổ phiếu ngân quỹ	414	-	-
	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
	Quỹ đầu tư phát triển	417	602.041.821	308.428.882
	Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
	Ợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-	-
	guồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
	Tổng cộng nguồn vốn	440	18.317.655.481	17.860.179.545

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	46.141.892.843	48.217.756.746
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	6.017.275.731	6.287.745.298
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	31	40.124.617.112	41.930.011.448
Giá vốn hàng bán	11	32	33.167.600.633	34.888.804.694
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.957.016.479	7.041.206.754
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	449.321.376	417.778.507
Chi phí tài chính	22	34	-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.281.173.856	6.301.646.398
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.125.163.999	1.157.338.863
Thu nhập khác	31		86.680.365	139.324.363
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		86.680.365	139.324.363
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.211.844.364	1.296.663.226
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	242.368.873	259.332.645
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		969.475.491	1.037.330.581
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tư

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 01 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Trọng Quang

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2017

Phần II - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
Thuế	1.125.839.961	11.044.123.291	11.001.152.628	1.168.810.624
Thuế GTGT hàng bán nội địa	424.732.703	4.475.847.132	4.220.669.168	679.910.667
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	558.893.715	6.017.275.731	6.096.470.869	479.698.577
Thuế doanh thu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.987.472	242.368.873	371.935.490	(12.579.145)
Thu trên vốn	-	-	-	-
Thuế hoa hồng	19.165.368	-	19.165.368	-
Tiền thuê đất	-	80.488.800	80.488.800	-
Tiền thu nhập từ trúng giải đặc biệt	-	201.000.000	201.000.000	-
Thuế TNCN	6.060.703	21.780.525	6.060.703	21.780.525
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	2.362.230	2.362.230	-
Các khoản phải nộp khác	(2.157.394)	1.849.749	1.849.749	(2.157.394)
Các khoản phụ thu	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
Các khoản khác	(2.157.394)	1.849.749	1.849.749	(2.157.394)
Tổng cộng	1.123.682.567	11.045.973.040	11.003.002.377	1.166.653.230

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Văn Tư

Giám đốc

Nguyễn Trọng Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 NĂM 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	51 146 547 807	52 602 754 000
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	- 571 916 520	-1 230 644 000
Tiền chi trả cho người lao động	03	-3 028 261 944	-2 761 960 910
Tiền chi trả lãi vay	04		
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	- 371 935 490	- 173 664 538
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3 801 099 331	799 422 692
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-49 808 686 276	-50 326 621 803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1 166 846 908	-1 090 714 559
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		- 32 461 731
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	86 680 365	67 350 000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	448 991 275	399 890 311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	535 671 640	434 778 580
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	1 702 518 548	- 655 935 979
Đổi đổi và tương đương tiền đầu kỳ	60	9 731 680 882	10 387 616 861
Đổi đổi hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Đổi đổi và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	11 434 199 430	9 731 680 882

Người lập biểu

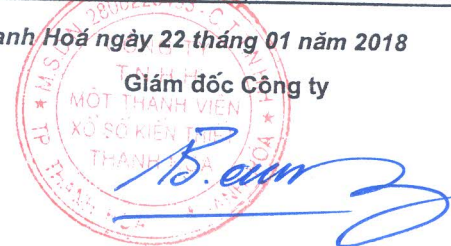
Kế toán trưởng



Phạm Văn Tư

Thanh Hoá ngày 22 tháng 01 năm 2018

Giám đốc Công ty



Nguyễn Trọng Quang

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc;
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá đích danh;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo quy định tại Thông tư số 228/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm theo GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	
- Máy móc, thiết bị	20 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	06 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	04 - 08 năm
	20 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gia sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

ỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là : %

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

ác chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

ác chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;

ợc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, ớc độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản ất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

c khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí ất sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí ng ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc công cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh về tiền lãi, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán

Tiền

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.996.997.786	1.195.040.336
Tiền gửi ngân hàng	9.419.704.214	8.536.640.546
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	11.416.702.000	9.731.680.882

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác		
Cộng	-	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác		
+ Dư nợ TK 138	233.666.859	290.636.172
+ Dư nợ TK 338	174.545.060	158.825.238
Cộng	59.121.799	131.810.934
	233.666.859	290.636.172

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Lưu ý: Trường hợp có phải thu không có khả năng thu hồi ở một trong các chỉ tiêu phải thu ngắn hạn đối với các công ty niêm yết thì phải thuyết minh rõ.

5. Hàng tồn kho

	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	9.126.283	28.362.625
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.268.480	57.512.199
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	133.011.625	152.682.216
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Hàng hoá bất động sản	-	-
Tổng giá gốc hàng tồn kho	143.406.388	238.557.040

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Tổng	-	-

Việc tính toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phải thu dài hạn nội bộ

B. Phải thu dài hạn khác

Đ. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.840.604.467	191.730.338	1.190.080.728	-	-	5.222.415.533
Số tăng trong kỳ	-	-	-	40.183.200	-	40.183.200
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.840.604.467	191.730.338	1.190.080.728	40.183.200	-	5.262.598.733
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	499.090.180	110.519.102	1.190.080.728	-	-	1.799.690.009
Số tăng trong kỳ	135.010.680	18.808.083	-	-	-	153.818.763
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	634.100.860	129.327.185	1.190.080.728	-	-	1.953.508.772
Giá trị còn lại						
Giá trị ngày đầu năm	3.341.514.287	81.211.236	-	-	-	3.422.725.524
Giá trị ngày cuối kỳ	3.206.503.607	62.403.153	-	40.183.200	-	3.309.089.961

D. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính

1. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Nhãn hiệu hàng hoá	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.029.500.000	-	-	-	-	2.029.500.000
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.029.500.000	-	-	-	-	2.029.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại						
Giá trị ngày đầu năm	2.029.500.000	-	-	-	-	2.029.500.000
Giá trị ngày cuối kỳ	2.029.500.000	-	-	-	-	2.029.500.000
Giá trị còn lại						
Quyền sử dụng đất						

12. Chi phí XDCB Dở dang

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Mua sắm TSCĐ		
XDCB nhà trụ sở	0	0
Sửa chữa lớn TSCĐ		
Cộng	-	-

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
Chi phí thành lập doanh nghiệp		
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
Chi phí phát hành cổ phiếu		
Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	12.895.454	112.414.301
Cộng	12.895.454	112.414.301

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Vay ngắn hạn	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	-	-

15. Phải trả người bán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Phải trả người bán	-	412.500
Cộng	-	412.500

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Thuế GTGT		
- Thuế TTĐB	679.910.667	424.732.703
- Thuế xuất, nhập khẩu	479.698.577	558.893.715
- Thuế doanh thu		
- Thuế TNDN		
- Thuế thu nhập cá nhân	(12.579.145)	116.987.472
- Thu trên vốn	21.780.525	6.060.703
- Thuế thu nhập từ hoa hồng đại lý		
- Thuế tài nguyên		19.165.368
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(2.157.394)	(2.157.394)
Cộng	1.166.653.230	1.123.682.567

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Tài sản chờ xử lý		
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội, y tế	22.719.212	44.619.212
- Phải trả khối Xổ số liên kết miền bắc	15.228.453	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THANH HOÁ
Số 20 Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hoá

Báo cáo tài chính
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2017

- Doanh thu chưa thực hiện	666.586.000	687.586.000
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn		
- Phụ cấp HĐQT-BKS	24.157.940	28.139.794
- Các khoản phải nộp khác (TK 3385+3388)		
Cộng	728.691.605	760.345.006

19. Phải trả dài hạn nội bộ

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn		
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	-	-

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

22. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư cuối năm trước	10.856.967.162	308.428.882	-				11.165.396.044
Tăng vốn trong năm nay		293.612.939	-	0			293.612.939
Đãi trong năm nay						969.475.491	969.475.491
Tăng khác				0		0	0
Giảm vốn trong năm nay		0					0
Ổ trong năm nay							0
Giảm khác	17.115.723			0			0
Số dư cuối năm nay	10.839.851.439	602.041.821	0	0	0	969.475.491	11.441.893.260

Lợi nhuận sau thuế sau khi điều chỉnh tăng

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của Nhà nước	10.839.851.439	100%	11.118.005.281	100%
Vốn góp của các cổ đông, thành viên		0%		0%
Vốn pháp nhân nắm giữ				
Vốn thể nhân nắm giữ				
Cộng	10.839.851.439	100%	11.118.005.281	100%

Gia trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

Số lượng cổ phiếu quỹ

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cuối năm	Đầu năm
Ấn đầu tư của chủ sở hữu	10.839.851.439	11.118.005.28
Ấn góp đầu năm		
Ấn góp tăng trong năm		
Ấn góp giảm trong năm	0	
Ấn góp cuối năm		
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

Cổ tức: Đơn vị căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty và căn cứ vào luật doanh nghiệp nhà nước.

	Cuối năm	Đầu năm
Các quỹ của công ty		
Quỹ đầu tư phát triển	602.041.821	308.428.88
Quỹ dự phòng tài chính		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		
Tổng	602.041.821	308.428.88

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán áp dụng:

Nguồn kinh phí

Tài sản thuê ngoài

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	46.141.892.843	48.217.756.746
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
Doanh thu doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Tổng	46.141.892.843	48.217.756.746

Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại		
Chiết giảm giá hàng bán		
Chiết giảm hàng bán bị trả lại		
Chiết giảm TTĐB	6.017.275.731	6.287.154.665
Tổng	6.017.275.731	6.287.154.665

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	40.124.617.112	41.930.011.448
Doanh thu thuần dịch vụ		
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng		
Tổng	40.124.617.112	41.930.011.448

8. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	33.167.600.633	34.888.804.694
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán		
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
Chi phí khấu hao chi phí vượt mức bình thường		
Chi phí phòng giảm giá hàng tồn kho		
Tổng	<u><u>33.167.600.633</u></u>	<u><u>34.888.804.694</u></u>

9. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	449.321.376	417.778.507
Thu lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
Thu lãi cổ tức, lợi nhuận được chia		
Thu lãi bán ngoại tệ		
Thu lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Thu lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Thu lãi bán hàng trả chậm		
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Tổng	<u><u>449.321.376</u></u>	<u><u>417.778.507</u></u>

Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí tiền vay	-	-
Chi phí chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
Tổng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	242.368.873	259.332.645
Chi phí chỉnh chi phí thuế TNDN theo biên bản thuế		
Tổng	<u><u>242.368.873</u></u>	<u><u>259.332.645</u></u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch thời gian phải chịu thuế		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính và ưu đãi tính thuế chưa sử dụng (*)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thu nhập hoãn lại phải trả (*)		
Tổng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được công ty TNHH Tài chính Kế toán và Kiểm toán VN kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

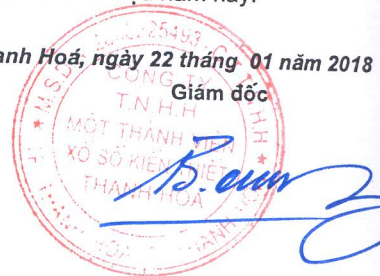
Kế toán trưởng



Phạm Văn Tư

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 01 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Trọng Quang